



CHƯƠNG 1

KHÁI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC VÀ TRIẾT HỌC MÁC-LÊNIN



I. TRIẾT HỌC VÀ VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TRIẾT HỌC

1. Khái lược về triết học

2. Vấn đề cơ bản của triết học

3. Biện chứng và siêu hình

II. TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

1. Sự ra đời và phát triển của triết học
Mác – Lênin

2. Đối tượng và chức năng của triết
học Mác – Lênin

3. Vai trò của triết học Mác - Lênin
trong đời sống xã hội và trong sự
nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

I. TRIẾT HỌC VÀ VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TRIẾT HỌC

1. Khái lược về triết học

1.1. Nguồn gốc của triết học

- ✓ Triết học xuất hiện vào thế kỷ thứ VIII đến thế kỷ thứ VI tr.CN tại các trung tâm văn minh lớn của nhân loại thời Cổ đại
- ✓ Ở Phương Tây, triết học xuất hiện sớm nhất ở Hy Lạp cổ đại
- ✓ Ở Phương Đông, triết học xuất hiện sớm nhất ở Trung Hoa và Ấn Độ cổ đại

Nguồn gốc của triết học

```
graph TD; A[Nguồn gốc của triết học] --> B[Nguồn gốc nhận thức]; A --> C[Nguồn gốc xã hội]; B --> D[Trước khi triết học xuất hiện TGQ thần thoại đã chi phối hoạt động nhận thức của con người]; C --> E[Phân công lao động xã hội dẫn đến sự phân chia lao động là nguồn gốc dẫn đến chế độ tư hữu]; C --> F[Khi xã hội có sự phân chia giai cấp => triết học ra đời];
```

Nguồn gốc nhận thức

Trước khi triết học xuất hiện
TGQ thần thoại
đã chi phối hoạt động
nhận thức của con người

Nguồn gốc xã hội

Phân công lao động xã hội
dẫn đến sự phân chia
lao động là nguồn gốc
dẫn đến chế độ tư hữu

Khi xã hội có sự phân chia
giai cấp => triết học ra đời

1.2. Khái niệm triết học

Triết học là gì ?

Ở Trung Hoa cổ đại, chữ **Triết** đã có từ rất sớm.

Triết = Trí: sự truy tìm bản chất của đối tượng nhận thức, thường là con người, xã hội, vũ trụ và tư tưởng tinh thần

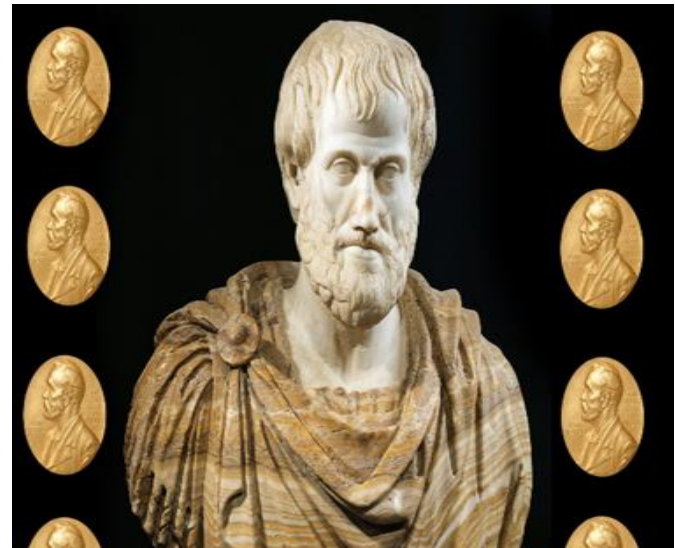


Ở Ấn Độ cổ đại, thuật ngữ *Triết học trong Phạn ngữ (Sanskrit) là Dar'sana* (triết học) nghĩa gốc là *chiêm ngưỡng*, hàm ý là tri thức dựa trên lý trí, là con đường suy ngẫm để dẫn dắt con người đến với lẽ phải

Triết học Hy Lạp cổ đại

Philosophia = Philo (tình yêu) + sophia (sự thông thái)

=> Triết học là yêu mến sự thông thái, hay yêu thích trí tuệ

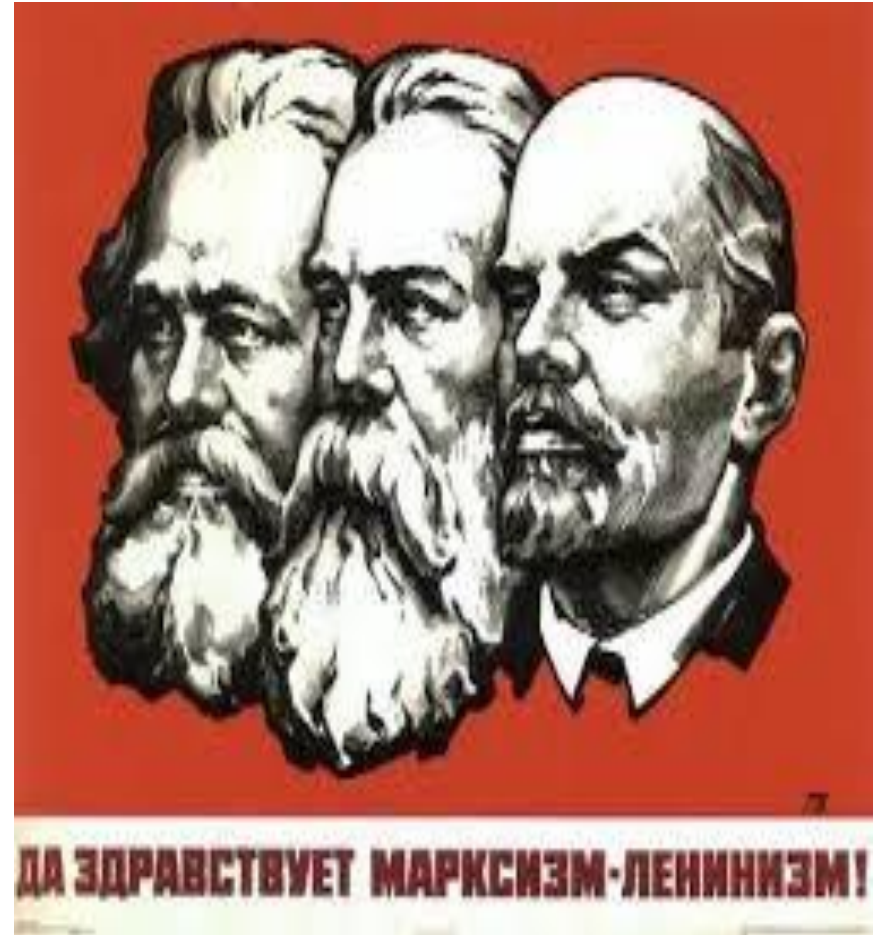


Phương Tây, thuật ngữ “triết học”:

Philosophia vừa mang nghĩa là giải thích vũ trụ, định hướng nhận thức và hành vi, vừa nhấn mạnh đến khát vọng tìm kiếm chân lý của con người.

Các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác – Lênin về triết học:

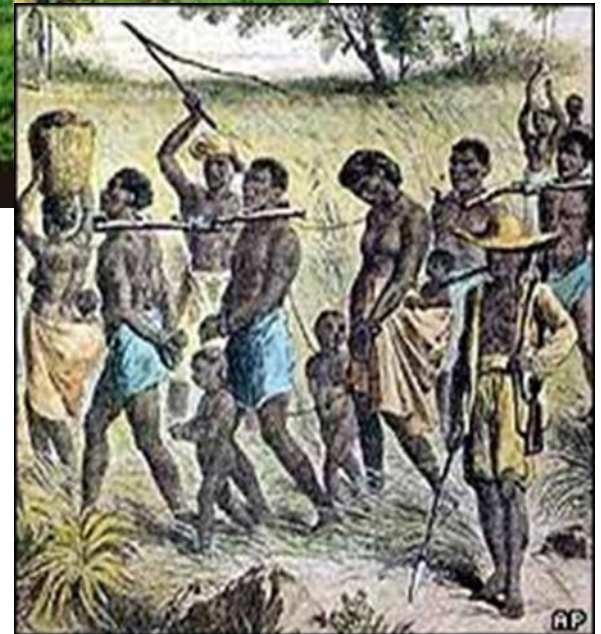
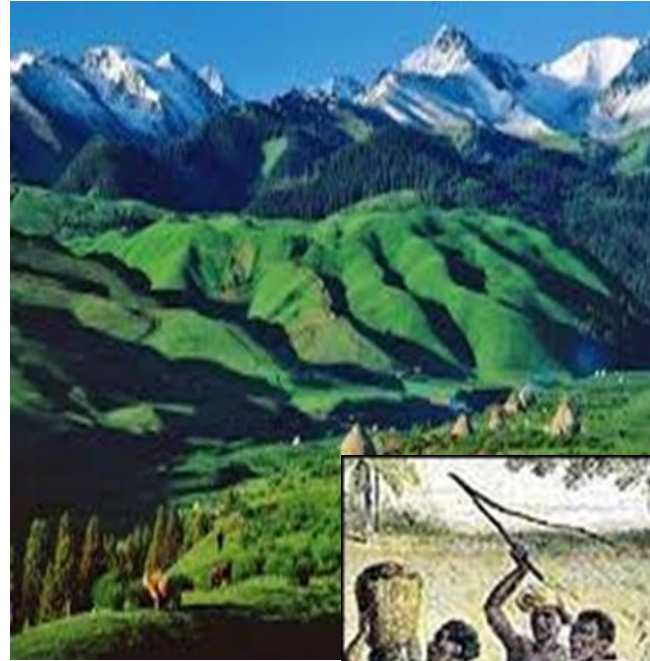
Triết học là hệ thống quan điểm lý luận chung nhất về thế giới và vị trí con người trong thế giới đó, là khoa học về những quy luật vận động, phát triển chung của tự nhiên, xã hội và tư duy



CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

1.3. Vấn đề đối tượng của triết học trong lịch sử

Đối tượng của Triết học là các quan hệ phổ biến và các quy luật chung nhất của toàn bộ tự nhiên, XH và tư duy



1.3. Vấn đề đối tượng của triết học trong lịch sử

*Thời kỳ Hy Lạp
Cổ đại*

Triết học tự nhiên bao gồm tất cả những tri thức mà con người có được, trước hết là các tri thức thuộc khoa học tự nhiên

*Thời Trung cổ ở
Tây Âu*

Triết học kinh viện, triết học mang tính tôn giáo

*Thời kỳ phục
hưng, cận đại*

Triết học tách ra thành các môn khoa học như cơ học, toán học, vật lý học, thiên văn học, hóa học, sinh học, xã hội học, tâm lý học, văn hóa học...

*Triết học cổ
điển Đức*

Đỉnh cao của quan niệm triết học của Hêghen, “*TH là khoa học của mọi khoa học*”

Triết học Mác

Trên lập trường DV BC để nghiên cứu những quy luật chung nhất của TN, XH và tư duy

1.4 Triết học - hạt nhân lý luận của thế giới quan

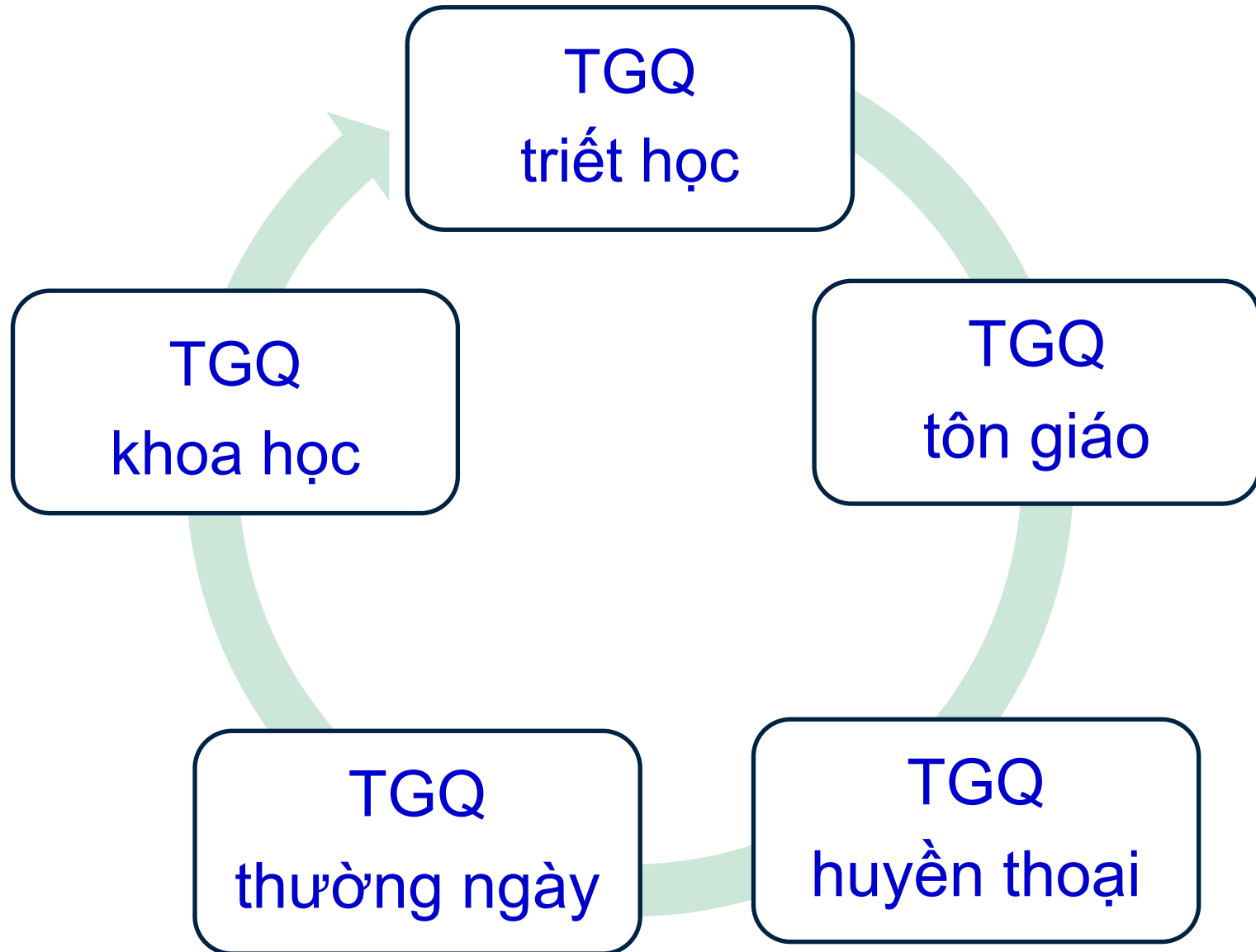
1.4.1 Thế giới quan



Là khái niệm triết học chỉ hệ thống các tri thức, quan điểm, tình cảm, niềm tin, lý tưởng xác định về thế giới và về vị trí của con người (bao gồm cá nhân, xã hội và cả nhân loại) trong thế giới đó.

TQG quy định các nguyên tắc, thái độ, giá trị trong định hướng nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người.

Trong lịch sử phát triển của tư duy, TGQ thể hiện dưới nhiều hình thức đa dạng khác nhau:



1.4.2 Triết học, hạt nhân lý luận của thế giới quan

*Thứ
nhất*

Bản thân triết học chính là TGQ

*Thứ
hai*

Trong số các loại TGQ phân chia theo các cơ sở khác nhau thì TGQ triết học bao giờ cũng là thành phần quan trọng, đóng vai trò là nhân tố cốt lõi

*Thứ
ba*

Triết học bao giờ cũng có ảnh hưởng và chi phối các thế giới quan khác như: TGQ tôn giáo, TGQ kinh nghiệm, TGQ thông thường...,

*Thứ
tư*

TGQ triết học quy định mọi quan niệm khác của con người



TGQ DVBC là đỉnh cao của TGQ do nó dựa trên quan niệm duy vật về vật chất và ý thức, trên các nguyên lý, quy luật của biện chứng

Vai trò của thế giới quan:

- TGQ có vai trò đặc biệt quan trọng trong cuộc sống của con người và xã hội:

Thứ nhất

Tất cả những vấn đề được triết học đặt ra và tìm lời giải đáp trước hết là những vấn đề thuộc TGQ.

Thứ hai

TGQ là tiền đề quan trọng để xác lập phương thức tư duy hợp lý và nhân sinh quan tích cực; là tiêu chí quan trọng đánh giá sự trưởng thành của mỗi cá nhân cũng như của từng cộng đồng XH nhất định.

- *Triết học với tính cách là hạt nhân lý luận chi phối mọi thế giới quan*

2. VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TRIẾT HỌC

2.1 Nội dung vấn đề cơ bản của triết học

VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TRIẾT HỌC LÀ GÌ?



Là vấn đề về
MỐI QUAN HỆ GIỮA
TƯ DUY & TỒN TẠI
(Vật chất & Ý thức)

VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TRIẾT HỌC

**Mặt thứ nhất
(Bản thể luận)**

Giữa ý thức (YT) & vật chất (VC):
cái nào có trước, cái nào có sau ?
Cái nào quyết định cái nào ?



**Mặt thứ hai
(Nhận thức luận)**

Con người có nhận
thức được thế giới
hay không ?

2.2. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm

**VIỆC GIẢI QUYẾT MẶT THỨ NHẤT TRONG
VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TRIẾT HỌC CHIA THÀNH
HAI TRƯỜNG PHÁI**

CHỦ NGHĨA DUY VẬT

Bản chất thế giới là VC
VC là tính thứ nhất
YT là tính thứ hai
VC là cái có trước &
quyết định YT

CHỦ NGHĨA DUY TÂM

Bản chất thế giới là YT
YT là tính thứ nhất
VC là tính thứ hai
YT là cái có trước
và quyết định VC

CHỦ NGHĨA DUY VẬT



BẢN CHẤT THỂ
GIỚI ?

Là vật chất

CNDV chất phác

CNDV siêu hình

CNDV biện chứng

CNDV chất phác (thời Cổ đại)

Quan niệm về thế giới mang tính trực quan, cảm tính, chất phác nhưng đã lấy bản thân giới tự nhiên để giải thích thế giới.

CNDVSH (TK XV-XVIII)

Quan niệm thế giới như một cỗ máy khổng lồ, các bộ phận biệt lập tĩnh tại. Tuy còn hạn chế về phương pháp luận siêu hình, máy móc nhưng đã chống lại quan điểm duy tâm tôn giáo giải thích về thế giới.

CNDVBC

Do C.Mác & Ph.Ăngghen sáng lập – V.I.Lênin phát triển: Khắc phục hạn chế của CNDV trước đó => Đạt tới trình độ: DV triệt để trong cả TN & XH; biện chứng trong nhận thức; là công cụ để nhận thức và cải tạo thế giới

*Hình thức cao nhất
của CNDV*

CHỦ NGHĨA DUY TÂM

```
graph TD; A[CHỦ NGHĨA DUY TÂM] --> B[Duy tâm khách quan]; A --> C[Duy tâm chủ quan];
```

Duy tâm khách quan

ý thức là thứ tinh thần
khách quan
có trước và tồn tại độc lập
với con người, thể hiện ở các
*ý niệm, tinh thần tuyệt đối,
lý tính thế giới*

Duy tâm chủ quan

phủ nhận sự tồn tại
khách quan của hiện thực,
CNDT chủ quan khẳng định mọi
SVHT chỉ là phức hợp
của những cảm giác

2.3. Thuyết có thể biết (Khả tri luận) và thuyết không thể biết (Bất khả tri luận)

Khả tri luận

Khẳng định con người về nguyên tắc có thể hiểu được bản chất của sự vật;

Bất khả tri luận

Con người không thể hiểu được bản chất thật sự của đối tượng;

Hoài nghi luận

Nghi ngờ trong việc đánh giá tri thức đã đạt được và cho rằng con người không thể đạt đến chân lý khách quan

3. Biện chứng và siêu hình

3.1

- Khái niệm biện chứng và siêu hình trong lịch sử

3.2

- Các hình thức của phép biện chứng trong lịch sử

a. Khái niệm biện chứng và siêu hình trong lịch sử

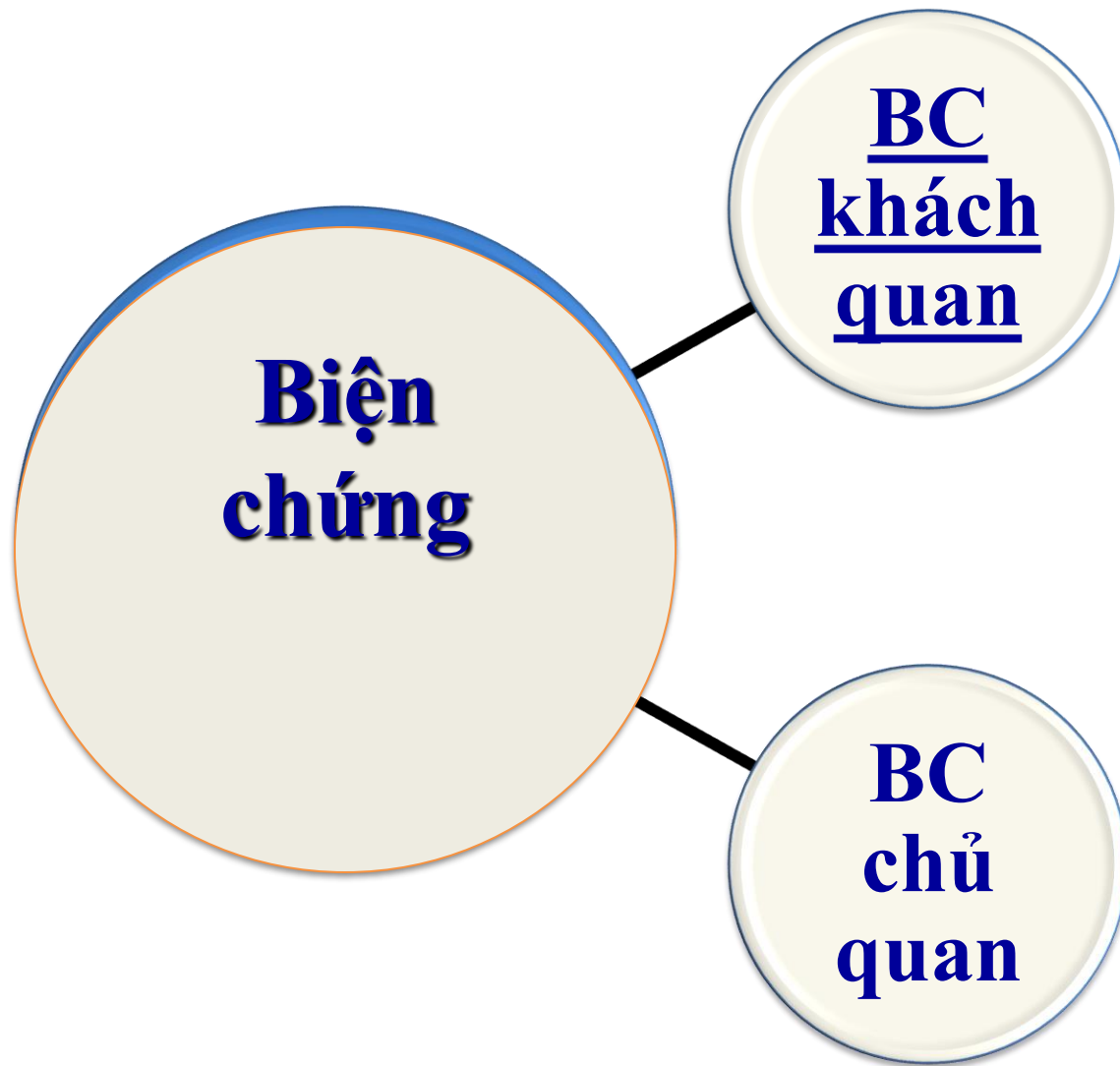
Socrates : “Biện chứng” là nghệ thuật tranh luận để tìm chân lý bằng cách phát hiện mâu thuẫn trong cách lập luận



“Người có lúc vinh lúc nhục,
nước có lúc đục lúc trong”

“Ai giàu ba họ, ai khó ba đời”

“Tre già măng mọc”



- Biện chứng của TG vật chất

- Sự phản ánh biện chứng KQ vào trong đời sống ý thức của con người.

Phương pháp siêu hình

- ✓ Nhận thức đối tượng trong trạng thái tĩnh tại, cô lập, tách rời
- ✓ Là phương pháp được đưa từ toán học và vật lý học cổ điển vào các khoa học thực nghiệm và triết học
- ✓ Có vai trò to lớn trong việc giải quyết các vấn đề của cơ học nhưng hạn chế khi giải quyết các vấn đề về vận động, liên hệ

Phương pháp biện chứng

- ✓ Nhận thức đối tượng trong các mối liên hệ phổ biến; vận động, phát triển
- ✓ Là phương pháp giúp con người không chỉ thấy sự tồn tại của các sự vật mà còn thấy cả sự sinh thành, phát triển và tiêu vong của chúng
- ✓ Phương pháp tư duy biện chứng trở thành công cụ hữu hiệu giúp con người nhận thức và cải tạo thế giới

3.2. Các hình thức cơ bản của phép biện chứng

- Phép biện chứng chất phát thời cổ đại:
Triết học TQ, Ấn Độ, Hy Lạp
- Phép biện chứng duy tâm cổ điển Đức
Khởi đầu từ Canto và hoàn thiện ở Heghen
- Phép biện chứng duy vật
Được Mác và Ăng-ghen xây dựng những năm 40 của thế kỷ XIX, Lenin và các nhà TH hậu thế phát triển

II. TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

1

- **Sự ra đời và phát triển của triết học Mác - Lênin**

2

- **Đối tượng và chức năng của triết học Mác - Lênin**

3

- **Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay**

1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác – Lênin

a. Những điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học Mác

b. Ba thời kỳ chủ yếu trong hình thành và phát triển của Triết học Mác (Giai đoạn Mác và Ăngghen)

c. Thực chất và ý nghĩa cuộc cách mạng trong triết học do C.Mác và Ph.Ăngghen thực hiện

d. Giai đoạn Lênin trong sự phát triển Triết học Mác

1. KHÁI QUÁT VỀ SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN

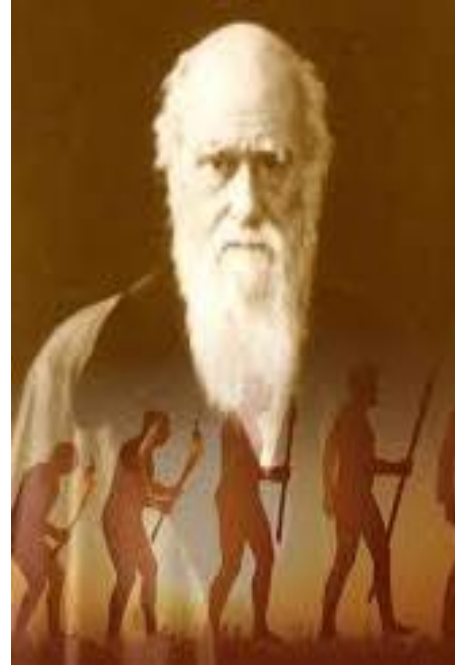
a. Điều kiện lịch sử



**ĐIỀU KIỆN
KINH TẾ -
XÃ HỘI**



**NGUỒN GỐC
LÝ LUẬN**



**TIỀN ĐỀ
KHOA HỌC
TỰ NHIÊN**



**NHÂN TỔ
CHỦ QUAN**

a. Những điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học Mác

*** Điều kiện kinh tế xã hội**

**Sự củng cố
và phát triển
của PTSX TBCN
trong điều kiện
cách mạng
công nghiệp**

**Sự xuất hiện
Của GCVS trên
vũ đài lịch sử
- nhân tố CT-XH
quan trọng**

**Thực tiễn CM
Của GCVS
- cơ sở chủ yếu
và trực tiếp**

Nguồn gốc lý luận

Triết học cổ điển Đức

- Hêghen – Phép biện chứng
- Phoibach - Chủ nghĩa duy vật

Kinh tế chính trị cổ điển Anh

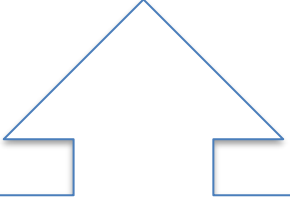
- David Ricardo
- Adam Smith

Chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp

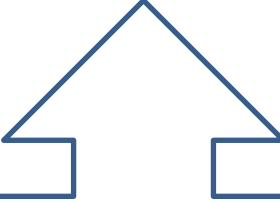
- Xaximiông
- Phuriê

* Tiền đề khoa học tự nhiên

• ***Sự phát triển của KHTN cuối TK 18 - đầu TK 19, đặc biệt là 3 phát minh:***



Định luật bảo toàn
và chuyển hóa
năng lượng



Học thuyết tiến
hóa của Đac-Uyn



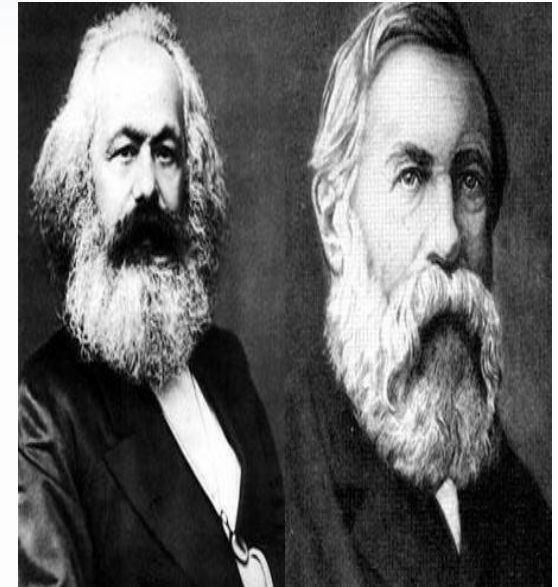
Học thuyết tế bào

* Nhân tố chủ quan trong sự hình thành triết học Mác

Thiên tài của C.Mác và Ph.Ăngghen

Sự kết hợp nhuần nhuyễn và sâu sắc những phẩm chất tinh túy và uyên bác của nhà bác học và nhà cách mạng

Sự tự nguyện hiến dâng của đời mình cho cuộc đấu tranh vì hạnh phúc của nhân loại, gắn chặt hoạt động lý luận và hoạt động thực tiễn không biết mệt mỏi vì mục tiêu giải phóng GCCN, NDLD và con người



b. Những thời kỳ chủ yếu trong sự hình thành và phát triển của Triết học Mác

1841 - 1844

- Thời kỳ hình thành tư tưởng triết học với bước quá độ từ CNDT và dân chủ cách mạng sang CNDV và chủ nghĩa cộng sản

1844-1848

- Thời kỳ đề xuất những nguyên lý triết học DVBC và duy vật lịch sử

1848 - 1895

- Thời kỳ C.Mác và Ph.Ăngghen bổ sung và phát triển toàn diện lí luận triết học

c. Thực chất và ý nghĩa cuộc cách mạng trong triết học do C.Mác và Ph.Ăngghen thực hiện

- Khắc phục tính chất trực quan, siêu hình của CNDV cũ và khắc phục tính chất duy tâm, thần bí của phép biện chứng duy tâm cổ điển Đức, sáng tạo ra một CNDV triết học hoàn bị là CNDVBC.
- Đã vận dụng và mở rộng quan điểm DVBC vào nghiên cứu lịch sử xã hội, sáng tạo ra CNDV lịch sử - nội dung chủ yếu của bước ngoặt cách mạng trong triết học.
- Đã sáng tạo ra một triết học chân chính khoa học, với những đặc tính mới của triết học DVBC .

d. Giai đoạn Lênin trong sự phát triển Triết học Mác

** Hoàn cảnh lịch sử V.I.Lênin phát triển Triết học Mác*

- Cuối XIX đầu XX: CNTB phát triển cao sinh ra CNĐQ, xuất hiện những mâu thuẫn mới đặc biệt GCTS >< GCVS
- Trung tâm cách mạng thế giới chuyển sang nước Nga và xuất hiện phong trào GPDT tại các nước thuộc địa cần hệ thống lý luận mới soi đường
- Những phát minh mới trong KHTN (vật lý học) dẫn đến sự khủng hoảng về TGQ... CNĐT lợi dụng những phát minh này gây ảnh hưởng trực tiếp đến nhận thức và hoạt động CM, nở rộ các loại CNĐT khoa học tự nhiên
- Các nhà tư tưởng tư sản tấn công nhằm xuyên tạc và phủ nhận chủ nghĩa Mác

* Những giai đoạn phát triển của triết học Mác - Lênin

Thời kỳ V.I.Lênin phát triển toàn diện triết học Mác và lãnh đạo phong trào công nhân Nga, chuẩn bị cho cách mạng xã hội chủ nghĩa.

triết học Mác–Lênin tiếp tục được các Đảng Cộng sản và công nhân bổ sung, phát triển

1893 — 1907 — 1917 — 1924 — NAY

V.I.Lênin bảo vệ và phát triển triết học Mác nhằm thành lập Đảng Mácxít ở Nga và chuẩn bị cho cuộc cách mạng tư sản lần thứ 1

thời kỳ Lênin tổng kết kinh nghiệm thực tiễn cách mạng, bổ sung, hoàn thiện triết học Mác, gắn liền với việc nghiên cứu các vấn đề xây dựng CNXH

2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác - Lênin

a. Khái niệm triết học Mác – Lênin

b. Đối tượng của triết học Mác - Lênin

c. Chức năng của triết học Mác - Lênin

a. Khái niệm triết học Mác - Lênin

Triết học Mác - Lênin là hệ thống **quan điểm DVBC** về tự nhiên, xã hội và tư duy - **thế giới quan và phương pháp luận khoa học**, cách mạng giúp giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các lực lượng xã hội tiến bộ **nhận thức đúng đắn** và **cải tạo hiệu quả** thế giới.

TRIẾT HỌC MÁC-LÊNIN



Khái niệm triết học Mác - Lênin

Triết học Mác - Lênin là triết học duy vật biện chứng cả về tự nhiên và xã hội

Triết học Mác - Lênin trở thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học của giai cấp công nhân và các lực lượng tiến bộ trên thế giới

Ngày nay, triết học Mác - Lênin đang đứng ở đỉnh cao của tư duy triết học nhân loại, là hình thức phát triển cao nhất trong số các hình thức triết học từng có lịch sử

TRIẾT HỌC MÁC-LÊNIN



b. Đối tượng của triết học Mác - Lênin

Triết học Mác - Lênin giải quyết mối quan hệ giữa **vật chất và ý thức trên lập trường duy vật biện chứng** và nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy.

Triết học Mác - Lênin phân biệt rõ ràng **đối tượng của triết học** và đối tượng của các khoa học cụ thể

Triết học Mác - Lênin có mối **quan hệ gắn bó chặt chẽ** với các khoa học cụ thể

c. Chức năng của triết học Mác - Lênin

Chức năng thể giới quan



Chức năng phương pháp luận



3. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

a. Triết học Mác - Lênin là TGQ và PPL khoa học và CM cho con người trong nhận thức và thực tiễn

b. Triết học Mác - Lênin là cơ sở TGQ và PPL khoa học và cách mạng để phân tích xu hướng phát triển của xã hội trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại phát triển mạnh mẽ.

c. Triết học Mác - Lênin là cơ sở lý luận khoa học của công cuộc xây dựng CNXH trên thế giới và sự nghiệp đổi mới theo định hướng XHCN ở Việt Nam.